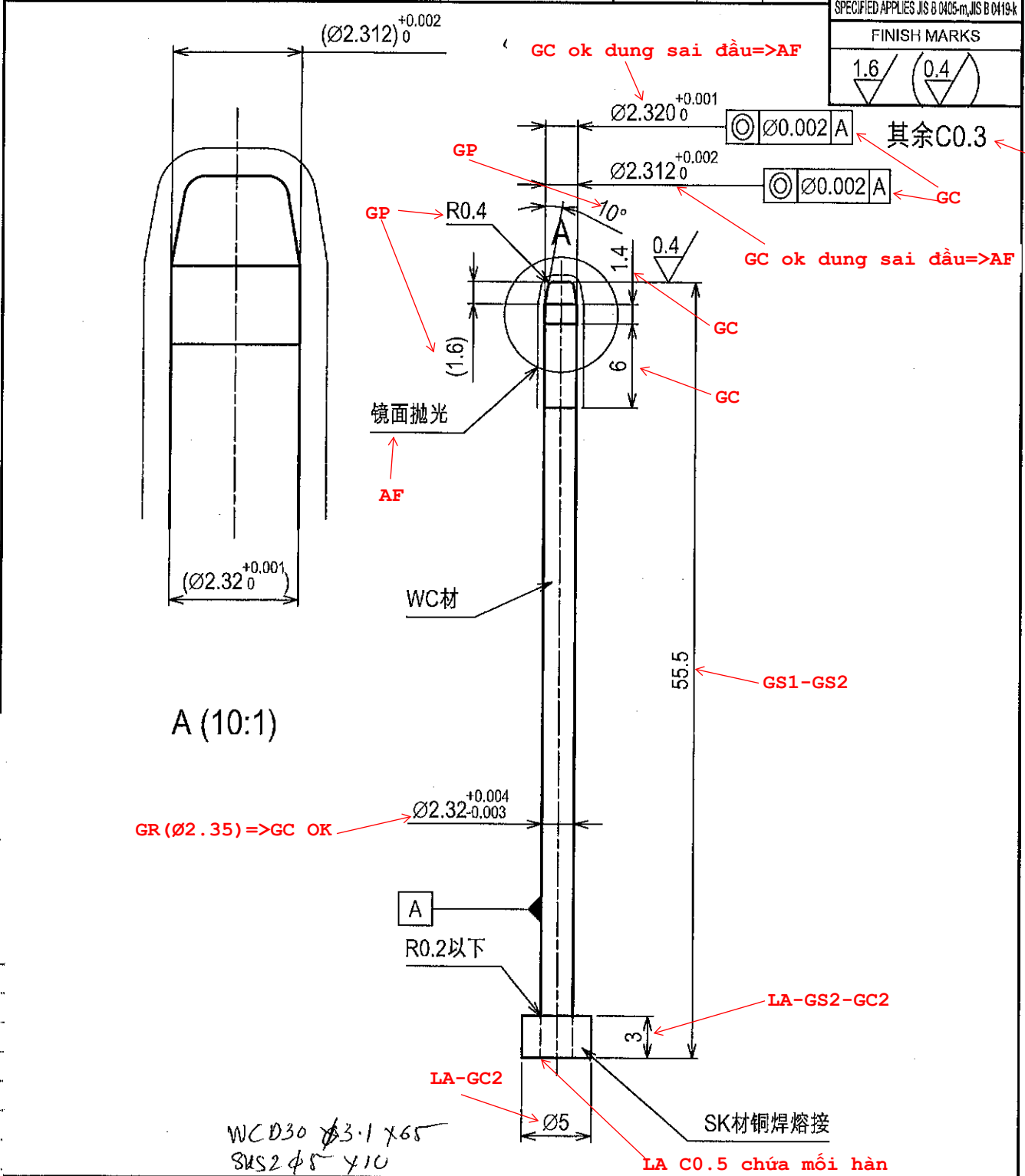


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
Init.	2014/09/05	新规设计	9106	Liu_Ke_Xin	Qin_Yi_Fan	0.5 ≤ , ≤ 6 ± 0.1
△						6 < , ≤ 30 ± 0.2
△						30 < , ≤ 120 ± 0.3
△						120 < , ≤ 400 ± 0.5



DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Liu_Ke_Xin	Qin_Yi_Fan	部品図	針
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING	NEEDLE
HRC 0 ° ~ 0 °		部品図	針
		部品図	針
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
SK+WC(D30)	2014/09/05	2.5:1	R024574

SNO: **R024574**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>WCD30</b> <b>Ø3.1*65</b> <b>SKS2</b> <b>Ø6*15</b>	GR:50 GS1:20 GC:60 GP:20 AF1:15 LA:20 WG:15 GS2:20 GC2:20 AF2:20 KT